

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV13.833

II THU HÀ
(biên)



Kể chuyện
CỤ PHỐ BẮC

HUYỀN SINH SẮC

HOC

9

**Kể chuyện
CỤ PHÓ BẢNG
NGUYỄN SINH SẮC**

559.7031
K250C

TS. BÙI THỊ THU HÀ
(Chủ biên)

Kể chuyện CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC



NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA
HÀ NỘI - 2009

Giới thiệu

PGS. TS. NGUYỄN ĐÌNH LỄ

Biên soạn

TS. BÙI THỊ THU HÀ (Chủ biên)

ThS. NGUYỄN HỮU HIẾU

TS. NGÔ VĂN BÉ

TS. NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

NGUYỄN ĐẮC HIỀN



ời giới thiệu

Từ lâu, trong gia đình truyền thống Việt Nam, người cha có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục con cái, tuy người mẹ luôn có một ảnh hưởng không nhỏ đến sự trưởng thành của các con (trai và gái).

Các anh hùng, vĩ nhân trong lịch sử luôn chịu ảnh hưởng và tác động lớn lao của quê hương, đất nước, dân tộc và thời đại mà họ sinh sống. Đồng thời, các vị ấy cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gia đình (ông, bà, cha, mẹ và những người thân khác). Đó là mối quan hệ của mọi cá nhân với dân tộc, đất nước, quê hương, thời đại và gia đình. Dĩ nhiên, sự nỗ lực của cá nhân có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của mỗi người.

HỒ CHÍ MINH - "Vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, một nhà văn hoá lớn" (UNESCO), đồng thời là một chiến sĩ quốc tế lỗi lạc - xuất hiện, hoạt động cũng bị chi phối bởi mối quan hệ nêu trên. Do đó, tìm hiểu về các cụ thân sinh của Bác Hồ - Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan - cũng như những người thân trong gia đình là điều cần thiết để nhận thức đầy đủ, chính xác hơn về Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người.

Việc tìm hiểu về những người thân trong gia đình Bác Hồ nói chung, về cụ Nguyễn Sinh Sắc nói riêng đã có nhiều công trình (sách, luận văn, bài viết) đề cập và đã được công bố. Tuy nhiên, một công trình được hoàn thành, song việc nghiên cứu không thể chấm dứt.

Quyển "Kể chuyện cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc", do Tiến sĩ Bùi Thị Thu Hà, giảng viên Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I, thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh chủ biên, là một đóng góp đáng hoan nghênh về việc góp phần tìm hiểu cụ thân sinh Bác Hồ. Vấn đề khó, vì cuộc đời, hoạt động của cụ Sắc trải dài từ Nghệ An đến Huế, Bình Định, Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và các tỉnh Tây Nam Bộ (chủ yếu ở tỉnh Đồng Tháp ngày nay). Không chỉ địa bàn mà lĩnh vực hoạt động của cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng rất đa dạng và phong phú - một người con rể, một người chồng, người cha trong gia đình; bạn bè, đồng chí với các nhà yêu nước; một nhà nho, một thầy đồ có nhiều môn đệ; một vị quan nhỏ, cảm thấy là "một kẻ nô lệ trong đám người nô lệ"; một người sống gần gũi với nhân dân, được đồng bào yêu thương. Và có lẽ điều cao quý nhất là "người cha của Hồ Chí Minh". Vì vậy, ở một khía cạnh nào đó, chúng ta cũng thấy có điểm hợp lý khi có người nói "Phan Bội Châu đã để lại cho nhân dân Việt Nam một tinh thần yêu nước nồng nàn, sôi động; Nguyễn Sinh Sắc cống hiến cho dân tộc một lãnh tụ tài ba".

Các tác giả "Kể chuyện cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc" đã cố gắng thể hiện trong sách của mình một "cụ đồ Nghệ", tiêu biểu của lớp sĩ phu yêu nước thời cuối của chế độ phong



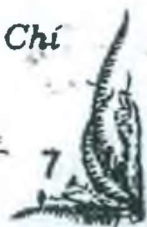
kiến ở Việt Nam, một người rất mực thương yêu các con, song rất tin tưởng vào tư duy, hướng phát triển của mỗi người con; cụ Sắc là một người con rể, một người chồng rất mực tôn kính, chung thủy đối với bố mẹ vợ và vợ; một người thầy mẫu mực và nổi bật là "một người bạn của dân".

Qua "Kể chuyện cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc", các tác giả đã phác họa được xã hội, nhân dân, lớp sĩ phu yêu nước vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, khi mà đất nước bị đô hộ, tiểu đình trở thành bộ máy phục vụ cho chính quyền thực dân còn nhân dân vẫn sục sôi yêu nước, song chưa thoát khỏi tình trạng "đường như trong đêm tối không có đường ra". Tình trạng này được Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong buổi nói chuyện với Anna Louis Strong đã nêu rõ: "... Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ..."¹.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Quyết định này có phần nào chịu ảnh hưởng, tác động của người cha!

Các tác giả cũng dành một phần không nhỏ nội dung sách để nói về tấm lòng của nhân dân phương Nam đối với cụ Nguyễn Sinh Sắc, qua đó cũng bày tỏ lòng kính yêu, tin tưởng vào Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Ana Lui Xtrông: Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo "Nhân dân", số ra ngày 18.5.1969.



Để hoàn thành cuốn sách, các tác giả đã bỏ nhiều công sức sưu tầm, chọn lựa các nguồn tài liệu, tra cứu xuất xứ để đảm bảo tối đa mức chân thật có thể đạt được.

Ngoài ý nghĩa về mặt khoa học, quyển "Kể chuyện cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc" còn là một nguồn tài liệu đáng tin cậy cho bạn đọc. Dĩ nhiên, sách không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được bạn đọc góp ý.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu sách này, như sự ghi nhận những cố gắng khoa học của các tác giả, góp phần vào nghiên cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh.

PGS. TS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ
Nguyên Chủ nhiệm Khoa Lịch sử,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



MỞ ĐẦU

Cụ NGUYỄN SINH SẮC ra đời đúng khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ và triều đình Huế đã nhân nhượng, cắt đất xin hoà, tạo điều kiện cho Pháp hoàn thành việc đô hộ sáu tỉnh Nam Kỳ rồi lan ra xâm lược cả nước. Cụ Sắc trong 66 năm cuộc đời mình cũng trải qua những đau thương của cảnh mất nước, nung nấu lòng yêu nước thương dân, song không biết chọn con đường cứu nước nào, dù có những bạn bè thân thiết như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... là những nhà yêu nước lớn. Đồng thời, cụ cũng nhìn thấy cuộc đấu tranh sục sôi chống Pháp và triều đình nhà Nguyễn của nhân dân từ Bắc tới Nam và ngay trên quê hương Nghệ An của mình. Cụ đã đồng tình, ủng hộ và khuyến khích thanh thiếu niên đi theo con đường mà chính người con yêu quý của mình - Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra. Tuy không trực tiếp khuyên bảo Nguyễn Tất Thành chọn con đường đã đi, song cụ tỏ ý tán thành và tự hào, tin

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

tướng ở quyết định của con. Tiếc rằng, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã mất trước mấy tháng khi Đảng Cộng sản Việt Nam, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, ra đời. Cụ không được nghe tin, được chứng kiến phong trào yêu nước bùng lên trong cả nước, ngay sau khi Đảng ra đời và đạt tới đỉnh cao ở quê hương mình - Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931.

Song, nhân dân Việt Nam không bao giờ quên ơn cụ Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan đã sinh cho "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta... người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"¹.

Vì vậy, việc tìm hiểu về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một điều quan trọng để hiểu rõ về một sĩ phu yêu nước, thương dân, thức thời, song không quyết định được con đường cứu nước, nhất là góp phần làm sáng tỏ ảnh hưởng, tác động giáo dục của cụ đối với Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành thuở ấu thơ, niên thiếu. Công việc này đã có nhiều nhà nghiên cứu lớp trước chúng tôi dày công khảo sát tài liệu, biên soạn những công trình có giá trị. Có thể dẫn ra một số tác phẩm - tác giả:

-
1. Theo ý trong "Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng", do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc tại lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 8.9.1969, trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 516.



- Hoài Thanh - Thanh Tịnh với "Quê hương và thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh";
- Sơn Tùng với "Búp sen xanh";
- Hồ Phương với "Cha và Con";
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Nghệ An với "Bác Hồ thời niên thiếu";
- Chu Trọng Huyền với "Hồ Chí Minh thời trẻ" (truyện), "Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh";
- Trần Minh Siêu với "Những người thân trong gia đình Bác Hồ";
- Nguyễn Hữu Hiếu với "Nguyễn Sinh Huy - Chân dung một nhà nho", vv.

Những công trình, với các thể loại văn học, sử học, bảo tàng học... đã cung cấp nhiều tài liệu chân xác, giải quyết một số vấn đề làm sáng tỏ quê hương, gia đình Bác Hồ. Tuy nhiên, vẫn còn một vài điều cần tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, một số điểm cần lí giải đầy đủ, sâu sắc hơn.

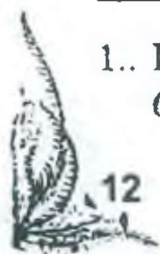
Chúng ta cũng còn tìm thấy một số tài liệu về Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hay liên quan đến cụ trong một số sách báo nước ngoài của các tác giả phương Tây hay Việt kiều ở Pháp, Mỹ... Ở đây, chúng tôi không nói đến các sách, bài viết xuyên tạc lịch sử của một số người chống phá cách mạng Việt Nam mà nhắc tới những công trình có ý nghĩa và giá trị

khoa học nhất định, đã đóng góp nhiều tài liệu đáng tin cậy về cụ Sắc, về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên, trong những công trình này có những điều cần trao đổi, thảo luận.

Trước hết, chúng tôi muốn nói tới các quyển của Daniel Héméry, một nhà nghiên cứu người Pháp đi sâu tìm hiểu về Hồ Chí Minh và có một số thành tựu có giá trị khoa học (và nhiều vấn đề phải trao đổi).

Trong quyển "*Jeunesse d'un colonisé, gnèse d'un exil. Ho Chi Minh jusqu'en 1911*", Approches, Asie, No11, 1992; đã cung cấp nhiều tài liệu của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương có liên quan đến việc theo dõi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, về đời sống của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Những tài liệu này được chúng tôi sử dụng trong tập sách này. Tuy nhiên, cũng cần nêu rõ rằng, một số nhận định của Héméry là không đúng. Ví như, cho rằng "Việc người cha bị cách chức, bị loại khỏi xã hội, chịu nhục nhã, lưu vong, tự nguyện vào Nam Kỳ, đã thúc đẩy Nguyễn Tất Thành bỏ xứ năm 1911. Cha lưu vong, con lưu vong"¹. Hoặc cụ Sắc giận giữ vì Nguyễn Tất Thành đi theo "con đường Phan Chu Trinh, chống lại nhà vua". Cuối cùng kết luận rằng "Trong những ngày đầu tháng 7.1911, nước mất, gia đình tan vỡ, trong lòng cay đắng và tủi nhục, Thành xuống tàu "L'Amiral

1.. Daniel Héméry: "*Jeunesse d'un colonisé, gnèse d'un exil. Ho Chi Minh jusqu'en 1911*", tr. 118, 124.



Latouche Tréville" ở Sài Gòn để đi một chuyến dài, không ý đồ chắc chắn, lang thang vô tận hơn 30 năm theo hướng mà ông thực sự không ngờ, từ mờ đi tìm một khuynh hướng mới, con của một ông quan tự triệt đường thoái lui"¹.

Rõ ràng, những luận điểm như vậy về mối quan hệ giữa hai cha con cụ Sắc, về động cơ ra đi tìm đường cứu nước đúng cho dân tộc của Nguyễn Tất Thành là hoàn toàn sai lầm. Tuy vậy, như đã nói, chúng tôi đã sử dụng những tài liệu gốc về cụ Sắc mà nhà sử học Pháp Héméry đã phát hiện và công bố.

Trong quyển "Hồ Chí Minh", nhà nghiên cứu chính trị, lịch sử các nước Đông Nam Á W. Duiker, người Mỹ, ở Chương I "Mất nước", đã nêu một số tài liệu và nhận định về bối cảnh lịch sử, gia đình, tuổi trẻ của Hồ Chí Minh. Một số tờ báo ở phương Tây, như tờ "Kirkus" đã nhấn mạnh rằng quyển "Hồ Chí Minh" của W. Duiker là một quyển sách tốt "Thật khó tưởng tượng một người nào đó có thể viết quyển tiểu sử này hay hơn".

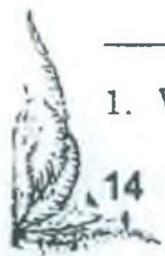
Không nói đến toàn bộ quyển sách của Duiker, mà một số nhà nghiên cứu Việt Nam đã phân tích¹,

-
1. Daniel Héméry: *"Jeunesse d'un colonisé, gnèse d'un exil. Ho Chi Minh jusqu'en 1911"*, tr. 118, 124.
 2. Xem GS. TS. Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 58 - 64.

chúng tôi chỉ nêu một vài điểm liên quan đến cụ Nguyễn Sinh Sắc, được trình bày không đúng. Ví như, khi nói việc dân làng mừng ông đỗ Phó bảng, W. Duiker viết: "Mặc dù ông không đồng ý, dân làng đã tổ chức một bữa tiệc lớn để kỉ niệm sự kiện này. Tuy nhiên, theo ông đề nghị, một số thức ăn đã được phân phát cho những người nghèo"². Thật ra, trong số 200 quan tiền mà dân làng cấp, ông chỉ nhận 10 quan mua trầu cau mời bà con chung vui, số tiền còn lại dùng làm quỹ cho dân nghèo vay làm vốn sinh sống.

Khi viết về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, chúng tôi có khó khăn là ít am hiểu về xứ Nghệ và thời kì cụ Sắc sống ở quê, làm quan ở Huế, ở Bình Định; song lại có thuận lợi là con em của vùng đất An Giang - Đồng Tháp, một địa bàn mà cụ Phó bảng đã sinh sống lâu năm, rất thân thiết với nhân dân ở đây. Vì vậy, một số tác giả - Nguyễn Đắc Hiền, Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Bé đã viết quyển "Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc" do Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc in năm 1994, quyển "Nguyễn Sinh Huy - Chân dung một nhà nho" của Nguyễn Hữu Hiếu (2005) và quyển "Quê hương, gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh" của Bùi Thị Thu Hà (chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2009.

1. W. Duiker: *Hồ Chí Minh*, sdd.



Kế thừa những thành tựu nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, tiếp tục những nghiên cứu trước đây của mình, trong cuốn "*Kể chuyện cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*", các soạn giả tập trung trình bày về các chủ đề lớn, cũng chính là các phần chính của cuốn sách:

- Dân tộc, quê hương, gia tộc, thời đại sinh sống của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc;
- Cuộc đời và hoạt động của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc;
- Nhân dân miền Tây Nam Kỳ đối với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Ngoài ra, còn có phần Phụ lục ở cuối sách giới thiệu "*Niên biểu về cuộc đời cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*", các tài liệu của chính quyền thuộc địa Pháp và một số tài liệu trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Với thể loại nghiên cứu lịch sử, chúng tôi tiếp nhận nhiều nguồn tài liệu, song chủ yếu sử dụng các tài liệu có nguồn xuất xứ, các loại tài liệu khác, đặc biệt là tài liệu truyền miệng, những ghi chép tay... chỉ tham khảo và tôn nghi để tiếp tục tra cứu.

Tuy nhiên, chắc chắn sách còn nhiều thiếu sót về nội dung và lỗi kĩ thuật, mong bạn đọc góp ý để chỉnh sửa.

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

Chúng tôi xin tỏ lòng cảm ơn Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Hội khoa học Lịch sử Đồng Tháp và An Giang, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên (Nghệ An), Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc ở Cao Lãnh (Đồng Tháp), Nhà xuất bản Từ điển bách khoa và nhiều đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu đã tận tình chỉ bảo và cung cấp tài liệu, tạo điều kiện cho sách ra đời.

TS. BÙI THỊ THU HÀ
(*Chủ biên*)



PHẦN THỨ NHẤT

DÂN TỘC, QUÊ HƯƠNG, GIA TỘC, THỜI ĐẠI SINH SỐNG CỦA NGUYỄN SINH SẮC

Tìm hiểu về Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, chúng ta không thể không nói đôi nét cơ bản về đất nước, dân tộc, quê hương, gia tộc mà cụ ra đời và sống có ảnh hưởng, tác động đến cụ.

I. ĐÔI NÉT VỀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Cụ Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863¹, sau khi thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược Việt Nam (1.9.1858), rồi kéo quân vào đánh chiếm Gia Định (tháng 2.1859). Từ Gia Định, chúng lan ra đánh

1. Theo “*Bác Hồ thời niên thiếu*” của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Nghệ An (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.8) cụ Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863. Nhiều tài liệu khác cũng ghi như vậy. Song danh sách trúng tuyển thi Hương năm Giáp Ngọ (1894), danh sách thi Hội khoa Tân Sửu (1901) cùng 5 tờ trình của Bộ Lại và Bộ Hình thì đều ghi Nguyễn Sinh Sắc sinh năm Nhâm Tuất 1862.



Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

chiếm các tỉnh lân cận. Mặc dù, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước nổi lên đánh Pháp mạnh mẽ, nhưng triều đình Huế đã ký hoà ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ dâng cho giặc, mở rộng các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho tàu bè Pháp tự do thông thương, nộp 20 triệu quan tiền (khoảng 280 vạn lạng bạc) làm tiền bồi thường chiến phí. Cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta vẫn tiếp tục diễn ra.

Tháng 6.1863, đúng năm Nguyễn Sinh Sắc chào đời, triều đình đã cử phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp xin sửa lại Hoà ước 1862 và chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, nhưng cuộc điều đình không thành. Không những vậy, thực dân Pháp còn chuẩn bị xâm chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Dựng lên cái cớ triều đình Huế dung túng cho nhân dân 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ "gây rối chống Pháp" ở các tỉnh miền Đông nên thực dân Pháp lần lượt chiếm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (vào tháng 6.1867). Lấy xong ba tỉnh miền Tây, thực dân Pháp báo cho triều đình Huế biết sự việc này, song vua quan nhà Nguyễn không có phản ứng gì mà còn xin đổi ba tỉnh miền Tây mới mất để lấy lại tỉnh Biên Hoà, cũng không được Pháp chấp nhận.

Trước sự nhu nhược của triều đình Huế, thực dân Pháp tiếp tục mở rộng cuộc xâm lược ra Bắc Kỳ, đưa quân vào kinh thành Huế, buộc triều đình ký



hai điều ước 1883, 1884, công nhận nền đô hộ của Pháp trên toàn Việt Nam.

Trái với thái độ của vua quan nhà Nguyễn, nhân dân khắp nơi nổi lên đấu tranh chống Pháp. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương ở Nam Kỳ, rồi phong trào Cần Vương ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Ngay trên quê hương Nghệ - Tĩnh của Nguyễn Sinh Sắc, vào năm 1874, cuộc khởi nghĩa do một số sĩ phu yêu nước chống Pháp lãnh đạo - Trần Tấn, Đặng Như Mai... - nổ ra rầm rộ với mục tiêu:

"Dập dùi trống đánh cờ xiêu

Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây"

Sau cuộc phản công của phái chủ chiến trong triều đình Huế, đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, đêm mùng 4 rạng ngày 5 tháng 7.1885 thất bại, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương. Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương bùng nổ khắp nơi, nhất là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

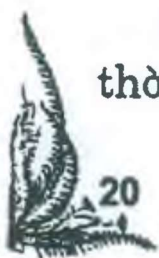
Ngay từ ngày đầu của phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1895) nổ ra. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao gồm bốn tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Ở Nghệ An lúc này cũng xuất hiện nhiều lực lượng yêu nước chống Pháp, tiêu biểu là nghĩa quân do Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nha chỉ huy, hoạt động mạnh mẽ, dù chỉ tồn tại đến năm 1887.

Phong trào Cần Vương thất bại, dù thực sự đây là phong trào yêu nước chống Pháp, giải phóng dân tộc của nhân dân, dưới danh nghĩa "giúp vua" (một nhà vua yêu nước).

Bước sang thế kỷ XX phong trào yêu nước đã mang màu sắc dân chủ tư sản, do những biến chuyển to lớn trong nước - hệ quả của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Bên cạnh đó còn có tác động của trào lưu tư sản phương Tây tràn sang, qua ảnh hưởng của phong trào Duy tân ở Trung Quốc. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh chống Pháp cũng không thành công mà rơi vào tình thế "dường như trong đêm tối không có đường ra".

Việc giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc của Việt Nam, cũng như bất cứ nước nào lúc bấy giờ, không thể không tính đến tình hình quốc tế, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc đè nặng trên lưng nhân dân lao động ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước tư bản chính quốc. Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân thế giới phát triển và liên kết với nhau, đặc biệt từ sau Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi năm 1917.

Điều kiện trong nước và thế giới như vậy, vào thời kỳ mà Nguyễn Sinh Sắc sinh ra và hoạt động,



chắc cũng ảnh hưởng đến nhận thức và hành động của cụ vào những thời điểm nhất định.

Nguyễn Sinh Sắc, ở mức độ nhất định cũng chịu ảnh hưởng của đất nước, quê hương, thời đại, có sự giáo dục của gia đình nên sớm có ý thức yêu nước, thương đồng bào và muốn tham gia đấu tranh để giải phóng dân tộc, song chưa thấy con đường nào thích hợp, vì cụ nhận thấy các bạn hữu, như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là những nhà yêu nước lớn, rất được nhân dân kính trọng, song vẫn còn lúng túng chưa đạt được điều mong muốn.

Trên thực tế, thuở thiếu thời trong hoàn cảnh sống khó khăn, Nguyễn Sinh Sắc cũng chưa chú ý đến thời cuộc. Song khi lớn lên, trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, Nguyễn Sinh Sắc nhất định có những suy nghĩ về vận mệnh đất nước và cụ cũng là tiêu biểu cho một số sĩ phu Việt Nam, có lòng yêu nước, thương dân, nhận thấy sự hèn yếu của triều đình, song vẫn còn nặng tinh thần ""trung quân, ái quốc". Sự phân vân, do dự trong hành động cứu nước chống Pháp ở cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng như ở một số sĩ phu yêu nước khác một phần do chưa có con đường đúng để theo, một phần cảm thấy bất lực trước sự "thắng thế" của thực dân Pháp và những chính sách xoa dịu, lừa bịp của chính quyền thuộc địa đối với nhân dân nói chung, tầng lớp nho sĩ nói riêng.

Một trong những chính sách đô hộ của thực dân Pháp lúc bấy giờ ở Việt Nam để lôi kéo, phân hoá



tầng lớp sĩ phu yêu nước là duy trì việc học tập và thi cử theo Hán học, bên cạnh việc phát triển nhanh chóng nền giáo dục mới - Tây học.

Tuy nhiên, thực dân Pháp hiểu rõ rằng Nho học đã vào Việt Nam từ lâu - thời Bắc thuộc - đã dần dần được cải biến thành một nền giáo dục dân tộc, trên cơ sở quan điểm, tư tưởng phong kiến. Các quan Thái thú, Thứ sử Trung Quốc thời Bắc thuộc muốn dùng Nho học để đào tạo một tầng lớp trí thức bản địa làm tay sai cho chúng rồi tiến hành đồng hoá nhân dân Việt Nam. Song chúng đã thất bại, vì chữ Hán và đạo Nho cũng chỉ được truyền bá và phát triển trong bộ phận quan lại đô hộ và tầng lớp trên của xã hội Giao Chỉ lúc bấy giờ. Ngay những người Giao Chỉ được đào tạo có hệ thống về Hán học, đỗ đạt, làm quan vẫn giữ tinh thần, khí tiết dân tộc, không bị Hán hoá. Tinh Thiều là một ví dụ tiêu biểu: đỗ đạt cao ở Trung Quốc, không chịu nhục, về nước theo Lý Nam Đế đánh giặc, giải phóng nhân dân khỏi ách đô hộ của Trung Quốc.

Hơn nữa, nhân dân ta có nền giáo dục dân gian truyền thống, có sức mạnh chống sự đồng hoá của phong kiến xâm lược Trung Quốc, xây dựng nền giáo dục dân tộc. Điều này được Nguyễn Trãi ghi rõ trong "Cáo Bình Ngô" sau khi đánh thắng quân Minh xâm lược đô hộ: "Như nước Đại Việt ta / Vốn xưng nền văn hiến đã lâu!". Một nước có nền văn hiến phải là một



quốc gia có nền giáo dục phát triển, có đội ngũ trí thức dân tộc giàu lòng yêu nước.

Khi xâm lược nước ta, ngay từ buổi đầu nổ súng, thực dân Pháp đã vấp phải sức kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam mà tầng lớp sĩ phu, văn thân yêu nước đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, tiêu biểu là Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Văn Nghị... Vì vậy, chúng biết không thể bỏ ngay việc học hành, thi cử cũ theo Hán học mà phải nắm lấy việc giáo dục, thi cử này để từng bước thay đổi nội dung, mục tiêu đào tạo, phù hợp với yêu cầu xây dựng và củng cố chế độ đô hộ ở Việt Nam.

Vì vậy, việc học chữ Hán và các khoa thi cử của triều đình phong kiến nhà Nguyễn được duy trì trong một thời gian nhất định nhằm làm "an lòng" tầng lớp sĩ phu Việt Nam, vừa để tuyển chọn, đào tạo những người phục vụ cho chính quyền thuộc địa. Đồng thời chúng lo xây dựng nền giáo dục thực dân, thay thế cho giáo dục phong kiến cũ. Đó là nền giáo dục thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Cụ Nguyễn Sinh Sắc là lớp nho sĩ cuối cùng theo giáo dục Nho học của chế độ phong kiến Việt Nam và tuân thủ mọi quy chế của trường thi và những thể thức thi cử, được hưởng những ân tứ của triều đình về "vinh quy bái tổ".

Năm 1919, khi kỳ thi Hội cuối cùng được tổ chức và chấm dứt nền giáo dục phong kiến dân tộc, cụ

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

Sắc đã rời quan trường gần 10 năm; tình hình đất nước có nhiều biến chuyển sâu sắc, do tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và bước vào thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ hai của chúng.

Năm 1929, khi cụ Sắc qua đời, đất nước ta có sự chuyển biến lớn về kinh tế, xã hội do tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp; trên thế giới, ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của Cách mạng tháng Mười, công cuộc xây dựng của đất nước Xô Viết và sự ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản lại chuẩn bị bước vào cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) là những biến động không nhỏ.

Những biến chuyển trong nước cùng tác động, ảnh hưởng của những biến động lớn trên thế giới làm cho tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Riêng về phong trào yêu nước chống Pháp, trong gần 30 năm đầu của thế kỷ XX đã xuất hiện các khuynh hướng cứu nước của tư sản, tiểu tư sản, kể cả của phái lập hiến, làm bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh theo các khuynh hướng khác nhau này. Bên cạnh đó, giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời và ngày một trưởng thành, trở thành "giai cấp cho nó", có ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình, dần dần chuyển từ đấu tranh tự phát sang tự giác và chuẩn bị mọi điều kiện để nhận lãnh sứ mệnh lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.



Tiêu biểu cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, noi gương Cách mạng tháng Mười Nga 1917, được vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam, là Nguyễn Ái Quốc.

Qua theo dõi và từ nhiều nguồn tin tức, cụ Sắc biết rõ con đường mới mà cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân đang theo do Nguyễn Ái Quốc, tức Nguyễn Tất Thành, người con yêu quý của cụ vạch ra và đang dẫn dắt đồng bào đi theo. Cụ tán thành và ủng hộ con đường và mọi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc. Song tiếc rằng, do tuổi già, sức yếu, cụ Nguyễn Sinh Sắc không còn có thể đi theo con đường đúng, nhưng gian khổ này. Tuy vậy, cụ luôn hướng về Nguyễn Ái Quốc, theo con đường cách mạng đúng mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn cho dân tộc và có dịp khuyến khích lớp trẻ đi theo con đường cứu nước mới.

II. QUÊ HƯƠNG VÀ GIA ĐÌNH NỘI, NGOẠI

Đất nước, thời đại có ảnh hưởng nhất định đến một con người, song quê hương, gia đình nội, ngoại, gia đình phía vợ (chồng) có tác động trực tiếp, sâu sắc. Chúng ta tìm hiểu trường hợp cụ thể của cụ Nguyễn Sinh Sắc.

1. QUÊ HƯƠNG

Cụ Nguyễn Sinh Sắc ra đời ở làng Kim Liên (thường gọi là làng Sen), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.



Nghệ An mang những nét chung, tiêu biểu của đất nước, dân tộc; song con người ở xứ sở sông Lam, núi Hồng cũng có những nét riêng, những đặc điểm của "xứ Nghệ" - một địa phương có phong cảnh hữu tình, song cũng thể hiện nhiều nét gian nan mà thiên nhiên đưa lại:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Điều kiện tự nhiên - vừa đẹp, vừa khó khăn, gian khổ - cũng tạo nên những con người xứ Nghệ mang những nét chung của dân tộc lại có nhiều đặc điểm riêng của vùng đất này. Nhà sử học Phan Huy Chú nhìn thấy đây không chỉ là một vùng "đất xấu, dân nghèo, tập tục cần kiệm, nhà nông chăm chỉ làm ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành..."¹, như sách *"Đại Nam nhất thống chí"* thời Nguyễn nhấn mạnh, mà còn là một địa phương có "... núi cao sông rộng, phong tục thuần hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất danh tiếng hơn cả Nam châu. Người thì thuần hoà mà chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý lạ... Được khí tốt của núi sông nên sinh ra nhiều bậc danh hiền..."².

1. *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tập 2, tr.121.

2. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Dư địa chí*, bản dịch, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 65.



Nhân dân Nghệ An giàu truyền thống lao động, tinh thần đấu tranh quật cường chống ngoại xâm. Lịch sử còn ghi lại ở vùng đất này nhiều trang về cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, quê hương. Trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, Nghệ An, Hà Tĩnh là cơ sở vững chắc cho những cuộc kháng chiến chống thế lực phong kiến phương Bắc xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285), khi tạm rời kinh thành Thăng Long, vượt biển vào phía nam để chuẩn bị lực lượng phản công đuổi giặc xâm lăng, Trần Nhân Tông đã viết lên đuôi thuyền hai câu thơ:

Cối Kê cự sự quân tu kí

Hoan, Diễn do tồn thập vạn binh.

(Chuyện cũ Cối Kê người nên nhớ

Hoan Châu, Diễn Châu vẫn còn 10 vạn quân)

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh vào đầu thế kỷ XV, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã lui về đóng quân ở thành Lục Niên và thành Bình Ngô để tiến lên giải phóng Nghệ An và cả nước. Năm 1789, khi tiến quân đại phá quân Thanh, Quang Trung đã huy động lực lượng lớn ở vùng Thanh - Nghệ; sau chiến thắng đã xây dựng thành Phượng Hoàng ở chân núi Quyết, định làm nơi đóng đô. Từ đó, trong kháng chiến chống Pháp xâm lược vào nửa cuối thế kỷ

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

XIX, trong đấu tranh giải phóng dân tộc, rồi kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Nghệ An luôn lập nhiều thành tích xuất sắc.

Trên mảnh đất Nghệ - Tĩnh đã sản sinh nhiều anh hùng cứu nước, những người tài giỏi nổi tiếng, mà thời nào cũng có. Nam Đàn - quê hương của Hồ Chí Minh - cũng là vùng "địa linh sinh nhân kiệt", mảnh đất đã hội tụ nhiều nhân tài, anh hùng, chí sĩ... Trên đất Nam Đàn còn những vết tích về cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc, kháng chiến chống Minh...

Ngay ở xã Chung Cự - quê hương cụ Sắc - có đền Thánh Cả, thờ một vị tướng đời Trần có công chống giặc Bồn Man từ Ai Lao (nay là Lào) tràn xuống. Cũng gần đây có đền Độc Lôi thờ một vị tướng đời Lý có công bảo vệ quê hương, đất nước. Chuyện kể rằng, khi cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ, tiền Phan Bội Châu lên đường "Đông du" ở cầu Hữu Biệt gần đền Độc Lôi, có làm bài thơ:

Độc Lôi sơn hạ

Hữu Biệt kiều tây

Phong vi vi hê, chấp quân quyết

Vũ tế tế hê dủ quân biệt.

Tạm dịch:

*Độc Lôi dừng gót nơi đây,
Mé tây Hữu Biệt, cầu này tiễn anh.*



Dân tộc. quê hương. gia tộc. thời đại sinh sống...

*Tay vin chéo áo ngọn ngành,
Mưa đơn gió kếp ta đành xa nhau¹.*

Nam Đàn còn có nhà yêu nước lớn vào đầu thế kỷ XX Phan Bội Châu - bạn của cụ Sắc. Phan Bội Châu nhiều lần đến chơi nhà cụ Sắc, đã gặp Nguyễn Tất Thành, sau này nhớ lại: "Tôi từ lúc bé đọc sách, hiểu được ít nhiều nghĩa lý vẫn không thích gì lối sống theo thời thượng của người chung quanh. Thường thích đọc hai câu thơ cổ:

*Mỗi phạn bát vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương*

Đây là hai câu thơ của Tuỳ Viên (Viên Mai) - nhà thơ Trung Quốc đầu đời Thanh, đại ý là: "Cứ đến bữa cơm là nghĩ đến chuyện lập công với dân, với nước. Còn việc lập thân bằng văn chương là điều thấp kém nhất".

Nguyễn Ái Quốc hồi mới lên mười đã có lần nghe tôi nằm ngâm hai câu thơ đó lúc say rượu đến nay vẫn còn nhớ và nhắc lại².

Nghệ An nói chung, Nam Đàn nói riêng, cũng là vùng đất văn vật, nhân dân có lòng hiếu học, có tinh thần "tôn sư trọng đạo". Riêng ở xã Chung Cự, trong số 96 khoa thi Hương từ năm 1635 - 1890 đã

1 Chu Trọng Huyền: *Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2007, tr. 36.

2 Trích trong *Tho văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX - 1930*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 163 - 164.

có 193 người đỗ Tú tài và Cử nhân¹. "Thầy đồ Nghệ" nổi tiếng về việc dạy học và đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước.

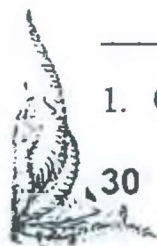
Ở xã Chung Cự cũng có nhiều thầy đồ nổi tiếng. Trong số đó, nổi lên thầy Vương Thúc Quý mà Nguyễn Tất Thành có học với thầy một thời gian ngắn, đã tiếp nhận ở thầy lòng yêu nước, ý chí cầu tiến bộ, lối học thông minh.

Thầy Vương Thúc Quý thi đậu Cử nhân khoa Tân Mão, là con trai nhà yêu nước Vương Thúc Mậu. Cụ Mậu đã tổ chức "Chung nghĩa binh" để khởi nghĩa chống Pháp, song bị thực dân Pháp đàn áp và hy sinh năm 1886. Thầy Vương Thúc Quý cũng tham gia đội "Thí sinh quân", do Phan Bội Châu lập ra, nhưng chưa kịp hành động thì bị lộ, đội nghĩa binh tan rã. Vương Thúc Quý về làng mở trường dạy học. Thầy không dạy cho học sinh kiểu học "tầm chương trích cú" mà biết suy nghĩ, liên hệ những điều đã học với thực tế.

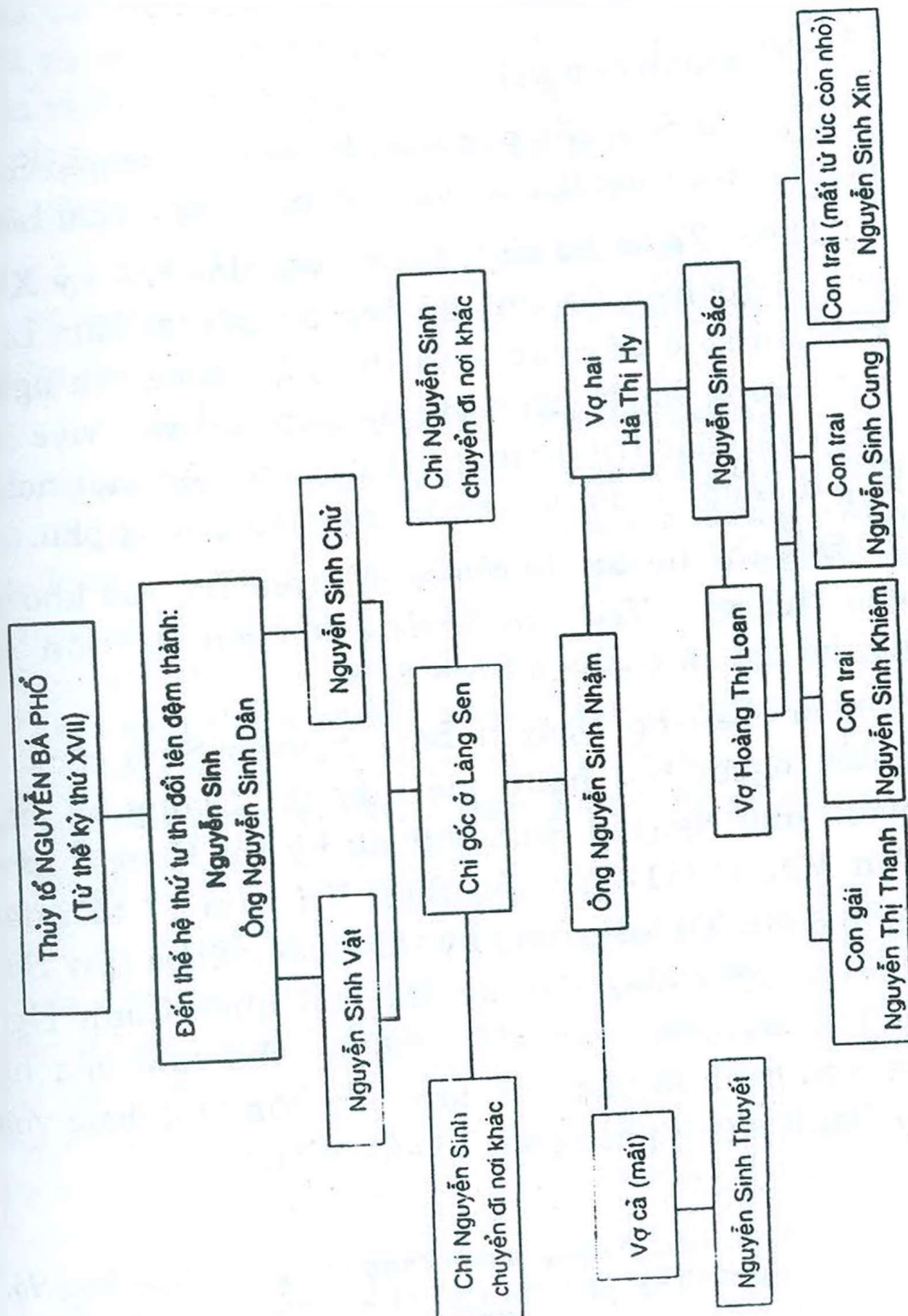
Tưởng nhớ đến người cha thân yêu - Vương Thúc Mậu - thầy Quý lập bàn thờ ở phía trong trường học, ngày đêm hương khói. Một lần thắp đèn, dầu vương ra sách, để thử xem sức học của học sinh, thầy Quý ứng khẩu ra một vế của câu đối:

"Thắp đèn lên dầu vương ra đế".

1. Có tài liệu ghi ở xã Chung Cự có 82 người đỗ Tú tài và Cử nhân.



TÓM TẮT PHẢ HỆ DÒNG HỌ NGUYỄN SINH Ở LÀNG SEN



Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

Tìm hiểu về cụ Nguyễn Sinh Sắc chúng ta cũng tiến hành như vậy.

*** Gia đình bên nội**

Nguyễn Sinh Sắc xuất thân từ dòng họ Nguyễn Sinh - một gia tộc sống lâu đời và có danh vọng ở Kim Liên.

Theo "*Thôn bọ Kim Liên*", vào đầu thế kỷ XVII, ông tổ Nguyễn Bá Phổ đã đến cư ngụ tại Kim Liên, khi dân số ở đây còn thưa thớt, đời sống còn nghèo khổ. Dòng họ Nguyễn Bá đã góp sức vào việc xây dựng và phát triển vùng đất này trở nên một nơi tụ họp dân đông, đời sống văn hoá khá phong phú.

Đến thế hệ thứ tư của họ Nguyễn Bá, vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, tộc trưởng Nguyễn Bá Dân xin đổi họ thành Nguyễn Sinh.

Con cháu họ Nguyễn Bá - Nguyễn Sinh cũng có nhiều người học hành giỏi, dự thi Hương và làm quan, như Nguyễn Sinh Vật dự kỳ thi Hương¹ năm Tân Mão (1651), Nguyễn Sinh Trí năm 17 tuổi đậu Hiếu sinh (Tú tài) trong kỳ thi Hương khoa Quý Sửu (1673), tuy không đậu kỳ thi Hội khoa Canh Ngọ (1678). Nguyễn Sinh Hải, thế hệ thứ tám của họ Nguyễn Sinh là quan võ, lập được công to, được vua Lê Cảnh Hưng phong sắc khen thưởng.

1. Trần Minh Siêu: *Những người thân trong gia đình Bác Hồ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, ghi là "dự kỳ thi Hội".



Vế câu đối khá hiểm hóc vì lối chơi chữ và ẩn ý sâu xa. Nghĩa đen nói về việc dầu trong đèn vương vãi ra cả đế; nhưng ngụ ý ở đây là nói về các bậc vua chúa (vương) và hoàng đế (đế).

Không hiểu hết ý sâu xa của thầy, một học sinh đối rất chỉnh, song chỉ nói được hiện tượng bên ngoài:

"Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn".

Nguyễn Tất Thành ngẫm nghĩ một lát rồi xin phép thầy đối:

"Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường".

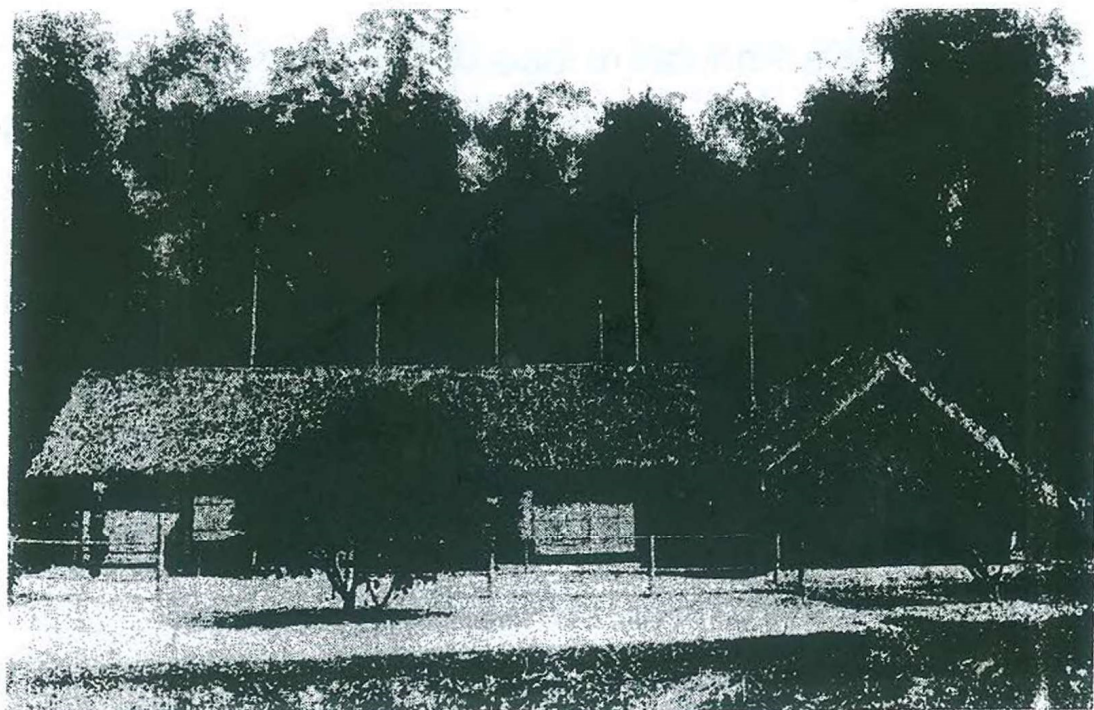
Vế đối của trò Thành hợp ý sâu xa của thầy vì "tấn" và "đường" theo nghĩa đen là "tiến lên đường", song lại hàm ý chỉ hai triều đại phong kiến lớn mạnh của Trung Quốc - nhà Tấn và nhà Đường - là hai triều đại đã xưng Vương và xưng Đế. Vế đối của Nguyễn Tất Thành sớm thể hiện khí phách hiên ngang của mình trong cuộc sống, luôn luôn muốn vươn lên, chứ không chịu khuất phục. Vì vậy, Thành được thầy Quý khen¹.

2. HỌ HÀNG

Khi nói về họ hàng, những người thân trong gia đình, trong gia tộc, chúng ta thường tính đến bên nội, bên ngoại, phía vợ (hay chồng), gần gũi nhất là ông, bà nội, ngoại, cha, mẹ (đẻ, vợ hay chồng), anh, chị em ruột. Tìm hiểu như vậy để nhận thấy truyền thống, ảnh hưởng của một gia tộc đến con cháu đời sau.

1 Theo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, sdd, tr. 33.

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC



Nhà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Làng Sen



Nơi sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, làng Hoàng Trù, xã Kim Liên,
huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

Nguyễn Sinh Nhậm (tức Nguyễn Sinh Vương) - thân sinh Nguyễn Sinh Sắc - thuộc thế hệ thứ mười của dòng họ, vào loại gia đình khá giả ở làng. Ông lấy vợ sớm, đẻ được một con trai là Nguyễn Sinh Trợ (sau đổi thành Nguyễn Sinh Thuyết), không bao lâu thì vợ ông mất. Về sau, ông Nhậm lấy vợ kế, đẻ con trai Nguyễn Sinh Sắc.

Bà Hà Thị Hy - thân mẫu Nguyễn Sinh Sắc - thời con gái là người có nhan sắc, thông minh, tài hoa ở làng Mậu Tài, thuộc xã Chung Cự. Bố của bà Hy, ông Hà Văn Cẩn là người nổi tiếng về đàn hát, thuộc bậc trung lưu, song không màng việc thi cử. Ông Nguyễn Sinh Nhậm mất khi con trai Nguyễn Sinh Sắc mới lên ba tuổi và một năm sau đó, bà Hy cũng qua đời.

*** Gia đình bên vợ**

Cha vợ Nguyễn Sinh Sắc là cụ Hoàng Đường (Hoàng Xuân Đường), người làng Hoàng Trù (thường gọi là làng Chùa), giáp làng Sen. Dòng họ Hoàng đã cư trú khá sớm trên vùng đất Hoàng Trù, trước khi họ Nguyễn Sinh sinh sống ở làng Sen.

Họ Hoàng ở làng Chùa cũng là một gia tộc danh vọng. Hoàng Thế Thông, vào đời thứ ba, do giỏi việc binh lại có công hộ vệ xa giá nhà vua nên được phong Văn Dương hầu. Người con ông là Hoàng Thế Chiêu cũng giỏi việc quân được phong Đô Yên hầu.

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

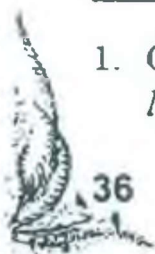
Con Hoàng Thế Chiêu là Hoàng Thế Anh được phong chức Đô tứ vệ chính tư quân, tước Giáo Trung hầu, khi mất được truy phong hàm Thái Bảo, tước Giáo Quận công. Hoàng Thế Kiều, con trai Giáo Quận công Hoàng Thế Anh theo Nguyễn Kim, phò vua Lê, đánh họ Mạc lập nhiều chiến công được phong tước Hoàng Quận công, lấy Công chúa Mỹ Thanh-Lê Thị Ngọc Tĩnh làm vợ.

Từ đó, dòng họ Hoàng có nhiều người làm quan to, được phong tước lớn: "Chỉ tính từ Văn Trường hầu Hoàng Thế Đăng đến đời Trường Lộc hầu Hoàng Đình Đài là chín thế hệ, dòng họ này đã có 27 người được phong tước công và tước hầu"¹.

Cụ Hoàng Xuân Đường (Hoàng Đường), ông ngoại Bác Hồ, là con trai Tú tài Hoàng Xuân Tuyến. Cụ Đường là thầy đồ ở làng Hoàng Trù, được nhân dân tôn kính gọi là cụ Tú, thường đi lại thăm bà con bên ngoại ở làng Kim Liên và ghé chơi bạn học Vương Thúc Mậu. Gặp cậu bé Nguyễn Sinh Sắc chăm trâu, chăm chú đọc sách, có tinh thần hiếu học nên đã xin gia đình về nuôi dạy học, rồi gả con gái Hoàng Thị Loan cho.

Cụ Nguyễn Thị Kép, bà ngoại Bác Hồ, quê làng Kẻ Giá, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, là con

1. Chu Trọng Huyền: *Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2007, tr. 17.



nhà nho Nguyễn Văn Giáp, đậu bốn khoa Tú tài. Khi cụ Giáp đậu Tú tài lần thứ hai thì vợ cũng sinh con gái đầu lòng nên đặt tên con là Nguyễn Thị Kép.

Như vậy dòng họ nội, ngoại của cụ Nguyễn Sinh Sắc vốn là những gia tộc có danh tiếng, thông minh, thao lược, sống trong sạch, cần cù lao động, được nhân dân kính yêu.

*** Cụ bà Hoàng Thị Loan (1868 - 1901)**

Khi nói về những người thân thiết nhất của cụ Nguyễn Sinh Sắc không thể không nói đến người vợ thân yêu - bà Hoàng Thị Loan. Bởi vì bà không chỉ là người vợ hiền dịu, góp phần lớn vào sự thành đạt của cụ Sắc mà còn đã sinh và nuôi dưỡng Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Ông Hoàng Đường (Hoàng Xuân Đường) và bà Nguyễn Thị Kép sinh được hai người con gái: Hoàng Thị Loan là con cả và Hoàng Thị An là con thứ hai (sinh năm 1877).



Cụ bà Hoàng Thị Loan
(1868 - 1901)

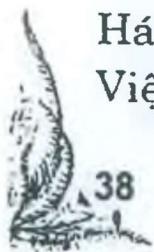
Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

Sinh ra trong gia đình cả bên nội và bên ngoại đều là những thầy đồ hay chữ, song không đỗ đạt; nhiều người cũng trực tiếp tham gia lao động chân tay, Bà Loan cũng được học chữ Hán. Bà và em gái lại được sống ở quê hương văn hoá - xứ sở của hát phường vải, quay xa, kéo sợi - lại vốn có sẵn tư chất thông minh nên nổi tiếng trong vùng về lao động giỏi, khéo nghề canh củi và hát ví nhanh với nhiều câu thơ hay, sắc sảo, khiến nhiều chàng trai, kể cả nho sĩ, phải khâm phục. Chuyện kể rằng, trong một lần đi đắp đập, xe mương để lấy nước vào ruộng, mọi người vừa lao động vừa hò hát vui vẻ. Trong số những người lao động này cũng có một vài nho sĩ. Họ lao động, hò hát với những câu ca do mình sáng tác. Bà Hoàng Thị Loan cũng cất lời ca được truyền tụng, mà nội dung lại là một câu thách đố:

Dở dang nên phải đào sông,

Ngày làm công nhật, đêm trông dạ chàng.

Cái hay, cái khó của câu thách đố khiến cho người đáp phải lúng túng là cách chơi chữ, tuy đồng âm song lại khác nghĩa. Trong câu sáu chữ, chữ "dang" là dở dang, lặn dận lại đồng âm với chữ "giang" có nghĩa là "sông". Ở câu tám chữ, các từ Hán và Nôm lại đồng nghĩa và đồng âm. "Ngày" (âm Việt) có nghĩa là "nhật" (chữ Hán), song lại mang nghĩa là "tiền công làm hàng ngày", và từ "đêm" theo nghĩa chữ Hán là "dạ", song ở đây lại đồng âm với từ "dạ" (từ Việt) chỉ "lòng dạ", "tâm tư" của con người.



Câu ca có nội dung bình dị, mang tính chất dân dã, song lại có lối chơi chữ hay, "hiểm", khiến cho việc đối đáp thích ứng không phải dễ. Cho nên từ đó về sau, chưa ai tìm ra một câu nào đủ các yếu tố ngôn từ tương tự và có hồn thơ bay bổng như thế để mà đáp lại.¹

Qua một câu hát đố như vậy cũng có cơ sở để nhận thấy rằng bà Hoàng Thị Loan là người được học hành, được giáo dục trong một gia đình "có chữ nghĩa", ở một địa phương có truyền thống văn hoá lâu đời. Sống trong một gia đình gia giáo, lại thông minh, có con mắt "tinh đời" cho nên bà Loan đã chấp nhận ý kiến của cha mẹ gả cho Nguyễn Sinh Sắc - người học trò nghèo đầy triển vọng. Đây không phải là chuyện "cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy" mà có suy nghĩ, quyết định theo sự hướng dẫn đúng đắn của cha mẹ. Đây là một cuộc tình duyên đẹp đẽ, song cũng có nhiều vất vả, chông gai trong cuộc sống. Song khi đã chấp nhận thì bà Loan sẵn sàng vượt qua với lòng thương yêu chồng con, với sức lao động của mình để giúp chồng học tập và nuôi dạy con.

Năm 1883, bà trở thành người vợ chung thủy của nho sĩ Nguyễn Sinh Sắc và là bà mẹ hiền của các con. Bà đã sống hết lòng vì chồng, vì con. Công lao

1. Chu Trọng Huyền: *Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, sdd, tr. 63

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

to lớn của bà là sinh cho đất nước một Anh hùng dân tộc vĩ đại - Hồ Chí Minh.

Trong 18 năm làm vợ, làm mẹ (1883 - 1901) của cuộc đời người quá ngắn ngủi, 33 năm (1868 - 1901), bà Hoàng Thị Loan đã chịu tang cha (ông Hoàng Đường qua đời năm 1893) và thực hiện lời trăng trối của cha là trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải tạo điều kiện cho Nguyễn Sinh Sắc học tập tốt, đỗ đạt thành danh.

Suốt 11 năm, từ sau khi thành hôn đến lúc ông Sắc đỗ Cử nhân (1883 - 1894), bà Hoàng Thị Loan đã một nắng hai sương lao động ngoài đồng ruộng, đêm về lo việc canh củi, chăm nom các con để cho chồng yên tâm "dùi mài kinh sử". Cái cảnh "bên anh đọc sách, bên nàng xe tơ" đẹp đẽ, thơ mộng thật, song cũng nói lên nỗi vất vả và trách nhiệm một người vợ, người mẹ của bà Loan.

Theo nhân dân Hoàng Trù kể lại thì nhiều đêm gà đã gáy sáng mà trong nếp nhà tranh đơn sơ ấy vẫn còn ánh đèn. Ông Sắc ngồi học ở gian ngoài, gian trong bà Loan còn gieo thoi, miệt mài dệt củi, thỉnh thoảng ru con bằng những làn điệu dân ca quê nhà.

Số tiền bán vải lụa dệt được không chỉ để nuôi sống gia đình mà còn dành dụm chuẩn bị tiền ăn đường cho chồng khi mùa thi đến và sắm sửa Tết cho gia đình. Nhiều Tết bà để vải may quần áo cho

con, cho chồng, còn phần mình có khi chỉ mặc chiếc áo vá vai. Cụ Nguyễn Thị Kép thương con gái đang còn trẻ nên đã nhường áo mình cho con. Trước tấm lòng thương con của mẹ, bà không thể chối từ, nhưng bà đã lấy bùn ao nhuộm lại cho áo sẫm màu rồi mới dùng.

Cuộc sống lao động, lại được nuôi dưỡng trong gia đình gia giáo đã tạo nên những phẩm chất tốt đẹp ở bà Hoàng Thị Loan: hiếu nghĩa với cha mẹ, kính nhường chồng, hết lòng nuôi dạy các con, khiêm tốn, lễ phép với bà con, làng xóm. Bà không bao giờ lên mặt là con cháu nhà danh vọng, không kiêu hãnh vì đẹp người, tốt nết. Câu chuyện được lưu truyền ở Hoàng Trù sau đây nói lên phẩm hạnh của bà Loan.

Kỳ thi Hương năm Giáp Ngọ (1894), Nguyễn Sinh Sắc đậu Cử nhân. Khi được tin ông sắp về làng, bà Hoàng Thị Loan đang ở ngoài đồng cấy tiếp thửa ruộng vụ mười. Có người chạy ra tận ruộng báo tin mừng và mời bà về nhà chuẩn bị trầu nước đón chồng và bà con làng xóm đến chúc mừng. Sau giây phút xúc động, bà từ tốn, nhẹ nhàng nói: "Đậu thì mừng, ông Nghè, ông Cống cũng sống về ăn", rồi bà rón lại cấy cho đến quá trưa; xong thửa ruộng mới trở về.

Bà vui mừng vì chồng đã thành đạt, không phụ lòng yêu thương, mong đợi của cha và cũng phần

khởi vì mình đã làm tròn nghĩa vụ của người vợ lo cho chồng học hành, đỗ đạt. Song không vì vậy mà "lên mặt" là "bà Cử", sống xa cách bà con làng xóm, không quên công việc đồng áng của mình. Kết quả lao động của bà đã giúp chồng thành đạt.

Đậu Cử nhân trong kỳ thi Hương chưa phải là hết con đường học hành khoa cử. Ông Nguyễn Sinh Sắc còn muốn học nữa, học cao hơn không phải để làm quan to mà để mở mang trí tuệ, giúp cho dân, cho nước nhiều hơn và cũng để đền đáp công ơn nuôi dạy, tác thành của người cha vợ, vừa mới từ trần (1893), không kịp nhìn thấy con rể bước đầu thành công trên đường học vấn.

Hiếu được ý chồng, bà Loan không ngần ngại tiếp tục chăm lo cho ông Nguyễn Sinh Sắc vào Kinh học tập. Tuy nhiên, hoàn cảnh gia đình lúc ấy rất gieo neo, nếu không có nghị lực, quyết tâm thì làm sao vượt qua. Từ Nghệ An vào Kinh thành Huế xa hàng 300 km vượt núi, đèo, sông, rồi làm sao sống được ở nơi đất đỏ đất đỏ với cảnh củi quế, gạo châu.

Thấy trước bao nhiêu khó khăn, thử thách đang chờ đợi, song bà Loan không hề chùn bước. Bà quyết tâm sắp xếp công việc nhà để theo chồng vào Huế, chuẩn bị cho kỳ thi Hội. Từ cuối năm 1895, cảnh gia đình của bà sống hết sức gieo neo: em gái Hoàng Thị An đã đi lấy chồng, cụ Nguyễn Thị Kép tuổi đã ngoài 60. Tuy hết lòng thương mẹ già và



quyến luyến gia đình, quê hương xứ sở đã gắn bó với mình từ nhỏ đến lớn, nhưng với tấm lòng tha thiết muốn chồng học hành đậu đạt cao hơn, bà đã gửi cô con gái đầu Nguyễn Thị Thanh mới mười một tuổi ở lại với bà ngoại, đưa hai con trai là Nguyễn Sinh Khiêm (7 tuổi), Nguyễn Sinh Cung (5 tuổi) gồng gánh theo chồng vào Huế. Chỉ có bà ở Huế mới có thể lao động để nuôi chồng, nuôi con, tạo điều kiện vật chất và tình cảm cho ông Sắc yên tâm theo học trường Quốc Tử Giám.

Thế là trên con đường dài hơn ba trăm cây số từ Vinh vào Huế, vợ chồng ông Sắc với hai con trai nhỏ đã qua các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên để tới kinh thành. Có khi họ đi giữa vùng đồng bằng, làng mạc sâm uất, nhiều khi vượt đèo, leo núi, có lúc dọc theo bờ biển nghe tiếng sóng vỗ bờ... Có lẽ hình ảnh người vợ chân đi đôi dép mo cau, vai quảy đôi gánh, một bên là con nhỏ, một bên là tất cả gia tài mang theo, giữa những ngày nắng gắt trên đường vào Kinh đô Huế không bao giờ phai mờ trong tâm trí của Nguyễn Sinh Sắc.

Trên con đường thiên lý, để cho các con không mệt mỏi, bà Loan "vừa đi đường vừa kể chuyện", hoặc đọc một đôi câu ca dao có liên quan đến một địa phương hay giải thích một vấn đề mà các con nêu lên. Cuộc hành trình vào kinh đô là một lớp



học giữa thiên nhiên, không có sách vở mà vô cùng bổ ích cho các con.

Ở Huế, gia đình bà Loan tìm thuê được một gian nhà nhỏ ở gần cổng thành Đông Ba (nay là số nhà 112 đường Mai Thúc Loan). Ngôi nhà này nay là một di tích lịch sử - văn hoá rất quý giá, vì nơi đây đã ghi dấu ngày niên thiếu của Bác Hồ ở Huế. Ngôi nhà này cũng chứng kiến cuộc sống chật vật của một gia đình nhà nho nghèo ở một kinh thành "lầu son gác tía". Có lẽ sự tương phản giữa cảnh sống nghèo khổ của gia đình mình và nhiều bà con láng giềng, những người làm lữ trên đường phố mà nảy sinh ở cậu bé Thành những câu hỏi: "Mẹ ơi! Sao ở đây có nhiều nhà đẹp mà lại nhiều nhà nhỏ tồi tàn?", "Sao có nhiều người to béo ngồi trên chiếc xe cho người gầy yếu kéo?" Bà Loan đã nhẹ nhàng bảo con: "Lớn lên rồi con sẽ hiểu". Câu trả lời của mẹ chưa thoả mãn được sự thơ ngây, ẩn chứa trí thông minh sắc sảo của cậu Thành, song cậu cũng chưa thể hiểu cảnh đời ngang trái này. Hình ảnh này lưu mãi trong đầu óc non nớt của cậu và trong cuộc sống, hoạt động thực tiễn sau này Người sẽ được giải đáp và giải thích cho nhiều người cùng nghe.

Chúng ta cũng nhớ đến nhận xét của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành 20 tuổi, lần đầu tiên đặt chân lên đất Pháp, ở cảng Mácxây (Marseille): "Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở



Đông Dương"¹. Đây là lời nhận xét sâu sắc từ một thực tế, chứ không phải là một thắc mắc nảy sinh từ sự quan sát của cậu bé năm tuổi. Từ nhận xét ấy, Nguyễn Tất Thành lại nảy sinh câu hỏi, do chứng kiến cảnh sống khổ cực của những người ăn xin, những hành động của kẻ cắp, những gái điếm: Tại sao người Pháp không khai hoá đồng bào của mình lại đi tuyên truyền về "sứ mệnh khai hoá văn minh" cho người dân thuộc địa ở Việt Nam.

Từ quan sát đến câu hỏi, thắc mắc, từ chưa được giải đáp đến việc tự tìm câu trả lời có quan hệ với nhau trong quá trình phát triển tư duy, tình yêu thương đồng bào đến yêu thương thông cảm với nhân dân lao động các nước, có mối quan hệ với cách giáo dục con của bà Loan. Bà không vội giải thích những điều chưa thể nhận thức được với một cậu bé lên năm tuổi, cũng không bỏ qua thắc mắc của con mà gợi cho con tự tìm câu trả lời khi đã lớn khôn. Có lẽ sau này khi nhận xét, nhận thức một số sự kiện trong cuộc sống, Nguyễn Tất Thành cũng nhớ đến lời của mẹ: lớn lên rồi con sẽ hiểu và tự tìm hiểu. Lời giải đáp cho câu hỏi được đặt ra không phải chỉ bằng lời nói mà phải hành động.

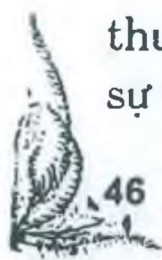
Điều cần thiết và cấp thiết đặt ra cho bà Loan sau khi ổn định chỗ ăn ở tại kinh thành Huế là làm

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, sđd, tr. 20.

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

sao để cả gia đình sống, để ông Sắc yên tâm học hành thi cử?

Trước vấn đề này, bà Loan quyết định lấy nghề dệt vải truyền thống ở quê nhà làm nghề sinh sống; vả lại, bà đã khá thông thạo về nghề canh cửi. Ở quê hương Hoàng Trù, bà Loan có tiếng là người khéo tay. Vải lụa bà dệt ra được nhân dân quanh vùng ưa dùng. Song bà cũng hiểu rõ thị hiếu của người tiêu dùng ở chốn kinh đô cũng có phần khác hơn người ở quê, dù sản phẩm bà làm ra chỉ phục vụ cho người dân nghèo. Vì vậy, bà đã chắt lọc những tinh hoa của nghề dệt ở quê hương mà bà đã học được, gắng sức học hỏi kỹ thuật, tìm hiểu việc ưa chuộng của người kinh thành. Do vậy mà hàng dệt của bà cũng có thể bán được bên cạnh sản phẩm của người thợ lành nghề ở Huế. Với tấm lòng cao đẹp của người mẹ không muốn chịu để cho con mình quá thiếu thốn, với quyết tâm của một người vợ không muốn chồng phải ngừng học tập vì thiếu cơm áo, nên qua hơn năm năm trời (1895 - 1901) khung cửi của bà luôn luôn rộn tiếng thoi đưa, sản phẩm làm ra cũng tiêu thụ được. Do đó, cuộc sống của gia đình bà ở Huế tuy còn chật vật song dựa vào những tấm vải do bà (Hoàng Thị Loan) dệt ra cũng vượt qua thiếu thốn, khó khăn. Có thể nói, bằng sức lao động, bằng cả tấm lòng yêu chồng, thương con, bà Hoàng Thị Loan đã dệt nên cuộc đời, sự nghiệp đẹp đẽ của chồng và của con. Mặc dầu bà



dồn tất cả tâm sức lao động, cuộc sống của gia đình vẫn thiếu thốn trăm bề. Những tấm vải dệt được phải đem bán đi để nuôi chồng ăn học suốt ba năm trời ở trường Quốc Tử Giám (1895 - 1898) và trang trải cho nhu cầu cuộc sống hàng ngày của ba mẹ con. Cho nên ngay cả khi Tết đến, xuân về bà cũng không dành dụm được ít vải để may quần áo mới cho mình.

Tuy vậy, bà vẫn luôn lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp của chồng và nuôi một niềm hy vọng lớn vào tương lai của con.

Điều quan trọng đã nêu trên, song vẫn phải nhắc lại là dù phải dồn sức vào lao động để lo cho chồng con sống, bà Loan vẫn quan tâm đến việc giáo dục các con... Nếu ông Nguyễn Sinh Sắc vừa là người cha, người dạy chữ Hán cho các con, đặc biệt đối với Nguyễn Tất Thành mà ông rất yêu mến, thì bà mẹ Hoàng Thị Loan lại thực sự là người giáo dục các con ngay từ trong bào thai, đặc biệt trong những ngày ấu thơ. Đây là thiên chức của mọi bà mẹ trên thế gian, càng thể hiện ở các bà mẹ Việt Nam mà bà Hoàng Thị Loan là một người tiêu biểu. Tiếp nhận truyền thống dân tộc, sự dịu hiền của người phụ nữ, những bà mẹ Việt Nam, bà Loan truyền đến con tình cảm, hiểu biết qua tình mẫu tử. Bà đã nêu một tấm gương sáng về nhân cách đạo đức cho con cái học tập. Ở đâu bà cũng thể hiện một lối sống trong sáng, có nghĩa, có tình nên được

mọi người yêu thương và kính trọng. Bằng tấm lòng và trách nhiệm của một người mẹ, bà đã dạy dỗ cho con những bài học vỡ lòng về cách sống, về đạo lý làm người. Vì vậy, ngay từ thuở ấu thơ, những người con của bà hết sức ngoan ngoãn, đã biết nói những điều hay, làm những việc tốt, biết kính trọng người trên, biết sống chan hoà với bạn bè, giàu lòng vị tha, nhân ái, biết nhường nhịn mọi người.

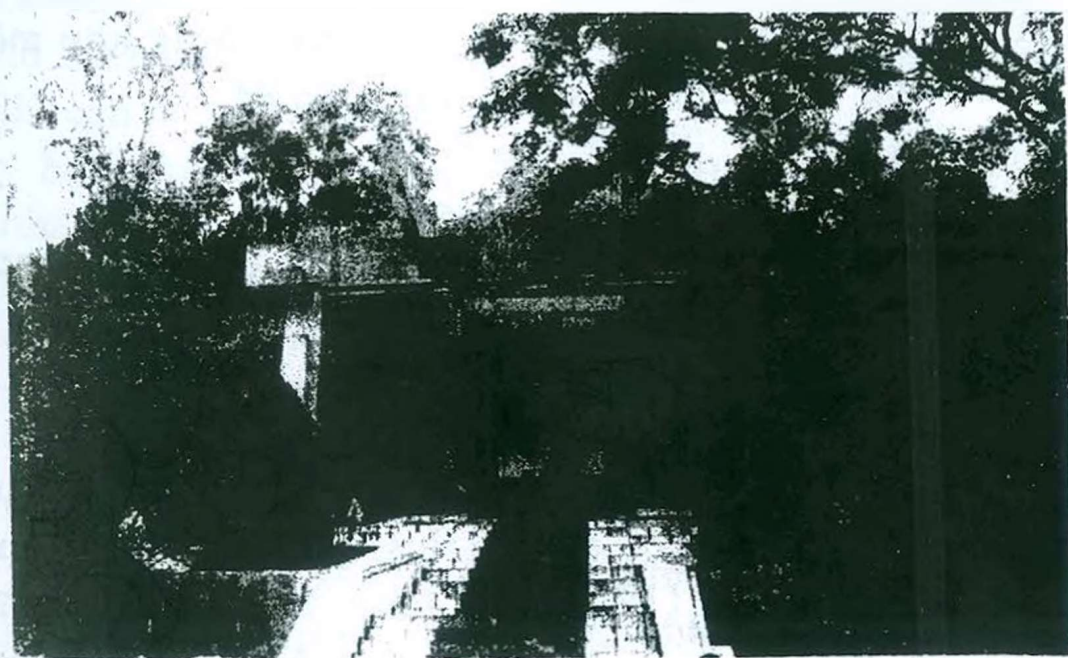
Bà con Hoàng Trù còn kể lại một câu chuyện cảm động: Có lần dì Hoàng Thị An đi chợ Cầu bán rau thơm, mua một ít kẹo gửi chị về trước để chia cho các cháu. Được mẹ chia kẹo, cậu Cung chưa vội ăn ngay mà khi bà An đi chợ, cậu đem biếu dì chiếc kẹo của mình được mẹ cho. Bà An thấy đó là chiếc kẹo của mình mua gửi cho cháu nên hết sức cảm động, ôm cháu vào lòng và đặt lên trán một cái hôn âu yếm.

Lần khác, vào lúc năm tuổi, trên đường theo cha mẹ vào Huế, cậu Cung nhặt được một quả cau, cậu liền lấy vạt áo lau sạch rồi cất vào túi. Mọi người tưởng cậu nhầm là quả chanh nên hỏi cậu nhặt quả gì, Cung liền thưa ngay: "Con biết đây không phải là quả chanh mà là quả cau, con lau sạch cất vào túi để lúc về biếu bà". Nghe con nói, ông Sắc và bà Loan vui sướng nhìn cậu một cách trìu mến¹.

1. Trần Minh Siêu: *Những người thân trong gia đình Bác Hồ*, sdd, tr. 64.



Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho, lớn lên ở một vùng quê giàu truyền thống yêu nước, học được đôi điều trong sách vở và biết nhiều làn điệu dân ca ở địa phương nên bà Loan có vốn kiến thức khá phong phú. Có tài liệu ghi rõ, lúc bé tuy chỉ học được một ít chữ Hán (điều mà phụ nữ lúc bấy giờ cường như không có, vì con gái không được phép cấp sách đến trường) song bà Loan đã xem Thiên gia thi, yêu hoạ. Bà nói với mẹ của mình: "Giá con là trai và cảnh nhà cho phép thì con sẽ xin bố mẹ tìm thầy để học vẽ. Gửi được ý tứ của mình vào trong các bức hoạ thì cũng thật là thích"¹.



Mộ cụ bà Hoàng Thị Loan ở núi Động Tranh, Nghệ An

1. Chu Trọng Huyền: *Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, sđd, tr. 70.



Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

Bà Hoàng Thị Loan mất năm 1901, sau khi sinh người con thứ tư và ông Nguyễn Sinh Sắc đang ở quê lo xây mộ cho các cụ, sau khi tham gia Hội đồng sơ khảo kỳ thi Hương khoa Canh Tý (1900). Được bà con giúp đỡ, bà Loan được an táng ở chân núi Ba Tầng, thuộc dãy núi Ngự Bình ở ngoài kinh thành Huế.

Năm 1922, bà Nguyễn Thị Thanh đưa hài cốt mẹ về quê.

Năm 1942, ông Nguyễn Sinh Khiêm cùng người thân đưa mộ mẹ lên ngọn núi Động Tranh trong dãy núi Đại Huệ.

Năm 1984, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân Nghệ - Tĩnh, Bộ Tư lệnh Quân khu IV đã xây dựng khu mộ bà Hoàng Thị Loan khang trang, đẹp đẽ.

*** Các con**

Cụ Nguyễn Sinh Sắc và cụ bà Hoàng Thị Loan có 4 người con, một gái, ba trai.

Nguyễn Thị Thanh (1884 - 1954)

Bà Nguyễn Thị Thanh là con gái đầu lòng của cụ Nguyễn Sinh Sắc và cụ bà Hoàng Thị Loan, sinh năm Giáp Thân (1884) tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị Thanh, hiệu là Bạch Liên, được nhân dân tôn vinh là Bạch Liên nữ sĩ.



Sinh trưởng trong một gia đình nho học có truyền thống yêu nước, thương đồng bào. Bà đã tiếp nhận những tinh hoa tốt đẹp của cả hai gia đình nội, ngoại lại có tinh thần hiếu học nên trở thành phụ nữ hiểu biết nhiều. Tuy không theo học ở trường chữ Hán, nhưng bà cũng có một trình độ Hán học khá giỏi. Bà còn có kiến thức về



Nguyễn Thị Thanh (1884 - 1954)

y học dân tộc và cũng đã trị bệnh cứu người, được nhân dân yêu quý. Sống trong gia đình, được bà ngoại dạy bảo nên bà Thanh cũng sớm biết lao động, lo toan mọi việc gia đình khi mẹ mất lúc bà mới 17 tuổi. Bà Thanh tham gia hoạt động yêu nước với các nghĩa sĩ địa phương, từng bị thực dân Pháp và Nam triều bắt, bỏ tù quản thúc nhiều năm.

Tinh thần yêu nước, chí khí đấu tranh chống Pháp của bà được nhiều người đương thời mến mộ. Năm 1929, bà Phan Thị Nguyên, con gái của Tiến sĩ Phan Trọng Mưu ở Hương Khê và là vợ của Cử nhân Đặng Văn Bá, một sĩ phu yêu nước ở Hà Tĩnh, đã làm bài thơ tặng bà Nguyễn Thị Thanh:

Kể chuyện cụ Phó bảng NGUYỄN SINH SẮC

*"Bà Trung, bà Triệu tiếng gần xa,
Không ngờ đời nay lại có bà,
Trước biết giữ trung, sau giữ hiếu,
Trên lo vì nước, dưới vì nhà.
Bao phen ly biệt đau lòng út,
Muôn dặm thân hồn đôi gót cha.
Liên lạc tỉnh này qua tỉnh khác,
Thoa quần ẩm tiếng nước Nam ta"¹.*

Cuối năm 1929, khi nghe tin cụ Nguyễn Sinh Sắc qua đời, bà rời Huế vào Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) để viếng mộ cha, cảm ơn bà con lo tang lễ chu tất.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, bà chuyển về ở tại Kim Liên, được chính quyền cách mạng chăm sóc chu đáo. Ngày 27.10.1946, bà Thanh ra Hà Nội thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc gặp ngắn ngủi song vô cùng xúc động, hai chị em đôi mắt ngấn lệ².

Sau khi được gặp em trai Nguyễn Tất Thành, bà Thanh phấn khởi sống thanh thản, được nhân dân, bà con yêu mến và sự quan tâm, chăm sóc của chính quyền cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Bà sống với ông Nguyễn Sinh Khiêm cho đến ngày tạ thế, năm 1954.

1. Theo tài liệu lưu ở Bảo tàng Kim Liên.

2. X. Hồ Quang Chính: *Bác Hồ gặp chị và anh ruột*, Nxb Nghệ An, 1999.

